

**KẾT QUẢ KIỂM TRA NỘI BỘ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ BẬC 3
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(ĐỢT KIỂM TRA NGÀY 17/5/2025)**

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
1	20305141	B001	Nguyễn Thị Thúy	An	29/12/2002	Nữ	2.0	4.5	4.0	3.0	13.5	3.38	Không đạt
2	21104028	B002	Bùi Lan	Anh	01/01/2003	Nữ	6.5	4.5	5.0	5.0	21.0	5.25	Đạt
3	21101002	B003	Đặng Lan	Anh	04/11/2003	Nữ	7.0	4.0	7.5	5.0	23.5	5.88	Đạt
4	21402003	B004	Đào Quế	Anh	14/10/2003	Nữ	8.5	5.5	9.0	8.0	31.0	7.75	Đạt
5	22302002	B005	Đinh Quang	Anh	04/07/2004	Nam	5.0	8.5	9.5	6.5	29.5	7.38	Đạt
6	21402005	B006	Hồ Thị Vân	Anh	14/11/2003	Nữ	5.0	9.0	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
7	21410003	B007	Lê Ngọc Trâm	Anh	20/01/2003	Nữ	7.5	9.0	9.5	6.0	32.0	8.00	Đạt
8	22406002	B008	Lê Nguyễn Duy	Anh	30/10/2004	Nam	6.0	8.5	9.0	6.0	29.5	7.38	Đạt
9	21821001	B009	Phan Ngọc	Anh	04/04/1996	Nam	8.5	6.5	9.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
10	18307420	B010	Trương Đình	Anh	19/06/1998	Nam	6.0	5.0	5.0	7.5	23.5	5.88	Đạt
11	21410009	B011	Võ Tuấn	Anh	01/01/2003	Nam	8.5	6.0	8.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
12	24307010	B012	Vũ Quốc	Anh	17/02/2006	Nam							Vắng
13	22607005	B013	Lê Thị Ngọc	Ánh	19/09/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	4.5	27.5	6.88	Đạt
14	22403004	B014	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	27/02/2003	Nữ	6.0	9.0	9.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
15	21402011	B015	Trần Thị Mỹ	Ánh	10/03/2003	Nữ	6.0	9.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
16	22401013	B016	H'ngoanh	Arul	13/07/2004	Nữ	0.0	9.0	9.0	5.0	23.0	5.75	Không đạt
17	21403008	B017	Trình Phương	Âu	20/03/2003	Nữ							Vắng
18	19309004	B018	H La Na	Ayün	25/06/2001	Nữ	5.0	4.0	5.0	5.5	19.5	4.88	Không đạt
19	21607110	B019	Nguyễn Triệu Khánh	Băng	02/06/2003	Nữ	0.0	4.5	3.0	0.0	7.5	1.88	Không đạt
20	17103007	B020	Kim Gia	Bảo	06/09/1998	Nam	7.5	9.0	4.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
21	19307014	B021	Nay H'	Bảo	24/03/2001	Nữ	7.0	7.5	5.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
22	21102014	B022	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2003	Nam	8.0	3.0	7.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
23	16265002	B023	Phan Quốc	Bảo	06/11/1996	Nam	4.0	5.0	9.5	4.0	22.5	5.63	Đạt
24	21605003	B024	Võ Hoàng	Bảo	18/05/2003	Nam							Vắng
25	21413003	B025	H' Sina	Bdap	17/10/2003	Nữ	7.0	4.5	3.0	5.5	20.0	5.00	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
26	22902002	B026	Li Xa	Ber	20/03/2004	Nữ	6.0	3.0	4.5	6.0	19.5	4.88	Không đạt
27	22411001	B027	Đàm Thị	Bích	21/08/2002	Nữ	0.0	2.0	1.5	3.0	6.5	1.63	Không đạt
28	15102002	B028	Bùi Quang	Bình	10/09/1997	Nam							Vắng
29	22105001	B029	Châu Phạm Y	Bình	10/07/2004	Nam	5.5	5.0	5.0	4.0	19.5	4.88	Không đạt
30	22901004	B030	Lê Thị Như	Bình	24/07/2004	Nữ	6.5	8.5	6.0	6.0	27.0	6.75	Đạt
31	17302004	B031	Lê Văn	Bình	20/10/1999	Nam	4.5	8.5	4.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
32	23901007	B032	H' Bạch	Bkrông	23/08/2005	Nữ	6.0	8.5	7.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
33	21402212	B033	Y Doal	Bkrông	05/04/2003	Nam	5.5	8.5	9.5	5.0	28.5	7.13	Đạt
34	20901036	B034	Y Hồ	Bkrông	12/05/2000	Nam	2.0	7.5	7.5	1.5	18.5	4.63	Không đạt
35	21101010	B035	Y Đôi	Bol	10/05/2002	Nam	5.0	8.5	8.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
36	21605005	B036	Nguyễn Thái	Boy	07/12/2003	Nam	6.0	7.5	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
37	18311075	B037	K'	Bràng	20/04/1998	Nam	2.0	7.5	9.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
38	18403009	B038	H Brian	Byă	22/01/2000	Nữ							Vắng
39	21410012	B039	H Vân Đak	Căt	27/03/2003	Nữ	3.5	8.0	8.5	7.5	27.5	6.88	Đạt
40	19303004	B040	Y Du Đạt Dak	Căt	02/01/2000	Nam	6.0	7.5	9.0	6.5	29.0	7.25	Đạt
41	22403009	B041	Trần Thị	Châu	18/06/2004	Nữ	7.0	7.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
42	22403011	B042	Lê Thị Linh	Chi	15/10/2004	Nữ	6.5	8.0	5.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
43	22601005	B043	Nguyễn Thị Gia	Chi	01/05/2004	Nữ	7.5	9.0	8.0	9.0	33.5	8.38	Đạt
44	21601031	B044	Nguyễn Thị Linh	Chi	23/05/2003	Nữ	5.0	8.0	8.5	6.0	27.5	6.88	Đạt
45	22402010	B045	Phùng Đỗ Kim	Chi	30/10/2004	Nữ							Vắng
46	21412101	B046	Nguyễn Đức	Chiến	05/04/2003	Nam	2.0	9.0	5.0	3.5	19.5	4.88	Không đạt
47	22103007	B047	Ma Thế	Chuyên	07/06/2004	Nam	4.0	7.5	8.5	8.0	28.0	7.00	Đạt
48	22103013	B048	Đỗ Đình Gia	Đại	22/06/2004	Nam	5.0	8.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
49	21605010	B049	Trần Huy	Đại	05/07/2003	Nam	2.0	7.5	7.5	4.0	21.0	5.25	Đạt
50	22605031	B050	Ksor	Đăm	15/11/2003	Nam	1.0	7.0	9.0	5.5	22.5	5.63	Đạt
51	19104004	B051	Lê Trần Minh	Đăng	08/12/2001	Nam	4.0	8.0	8.5	6.5	27.0	6.75	Đạt
52	21305024	B052	Nguyễn Anh	Đào	04/02/2003	Nữ	5.0	8.5	9.0	4.5	27.0	6.75	Đạt
53	21104033	B053	Huỳnh Anh	Đạt	02/11/2003	Nam	5.5	8.5	7.5	3.0	24.5	6.13	Đạt
54	22103015	B054	Ngô Thành	Đạt	01/10/2004	Nam	7.5	9.0	9.0	6.5	32.0	8.00	Đạt
55	22604003	B055	Ngô Văn Tiến	Đạt	16/07/2004	Nam	4.0	7.5	9.0	4.0	24.5	6.13	Đạt
56	21302030	B056	Võ Viết	Đạt	16/04/2003	Nam	2.0	8.5	9.5	5.0	25.0	6.25	Đạt
57	21101086	B057	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08/03/2003	Nữ	8.5	8.5	7.5	8.5	33.0	8.25	Đạt
58	21101087	B058	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/11/1999	Nam	5.5	9.0	9.0	5.5	29.0	7.25	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
59	22601006	B059	Liêng Hót	Dina	19/07/2004	Nữ	4.0	7.5	9.0	7.5	28.0	7.00	Đạt
60	21903018	B060	H Suân Long	Ding	04/06/2002	Nữ	4.0	8.5	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
61	21410015	B061	Nguyễn Quốc	Doanh	16/01/2002	Nam	3.5	8.5	9.0	8.0	29.0	7.25	Đạt
62	20605018	B062	Phùng Văn	Đông	26/05/2002	Nam	2.0	7.0	9.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
63	21401044	B063	H'	Đồng	02/06/2003	Nữ	1.0	7.0	9.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
64	21311048	B064	Nay H'bit	Du	13/06/2003	Nữ	1.0	8.0	10.0	4.5	23.5	5.88	Đạt
65	22601011	B065	Hồ Văn	Đức	27/04/2004	Nam	7.0	9.0	9.0	8.0	33.0	8.25	Đạt
66	21406018	B066	Nguyễn Huỳnh	Đức	16/08/2000	Nam	2.0	8.0	5.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
67	20311062	B067	Đinh Thị Kim	Dung	02/02/2002	Nữ	5.0	8.0	9.0	7.5	29.5	7.38	Đạt
68	22901008	B068	Lê Thị Thùy	Dung	10/03/2004	Nữ	7.0	8.0	9.0	6.5	30.5	7.63	Đạt
69	22601007	B069	Nguyễn Thị Thanh	Dung	30/10/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
70	21403016	B070	Nguyễn Thị Thùy	Dung	28/10/2003	Nữ	8.5	8.5	7.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
71	22101007	B071	Đào Văn	Được	02/04/2004	Nam	7.5	8.5	9.0	7.0	32.0	8.00	Đạt
72	22103086	B072	Hướng Viết	Được	12/03/2004	Nam	7.5	8.0	9.0	7.5	32.0	8.00	Đạt
73	19307298	B073	Hán Thị Ánh	Dương	27/05/2000	Nữ	7.0	8.5	9.0	6.5	31.0	7.75	Đạt
74	19307041	B074	Lê Thị Thùy	Dương	08/07/2001	Nữ	6.0	8.5	7.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
75	22103011	B075	Nguyễn Lê Tùng	Dương	22/08/2004	Nam	6.0	8.0	9.5	5.5	29.0	7.25	Đạt
76	19307034	B076	Hà Ngọc	Duy	24/03/2001	Nam	9.0	8.0	7.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
77	22410008	B077	Nguyễn Ngọc	Duy	22/09/2003	Nam	7.0	8.0	9.0	3.5	27.5	6.88	Đạt
78	21402020	B078	Nguyễn Thanh	Duy	09/12/2003	Nam	7.5	7.0	7.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
79	20304003	B079	Phan Đức	Duy	25/10/2002	Nam	5.0	8.0	9.5	7.5	30.0	7.50	Đạt
80	19412064	B080	Đỗ Mỹ	Duyên	09/03/2001	Nữ	4.0	8.0	7.5	4.0	23.5	5.88	Đạt
81	21402021	B081	Hồ Thị Mỹ	Duyên	25/10/2003	Nữ	5.0	8.0	9.0	8.0	30.0	7.50	Đạt
82	22901010	B082	Hồ Thị Mỹ	Duyên	27/08/2004	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	29.0	7.25	Đạt
83	22402017	B083	Phạm Kỳ	Duyên	01/08/2004	Nữ	3.0	8.0	9.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
84	22410101	B084	Vi Thị	Duyên	24/04/2004	Nữ	7.5	7.5	7.5	7.5	30.0	7.50	Đạt
85	22601008	B085	H'	Duyệt	14/01/2004	Nữ	8.5	7.5	9.0	8.5	33.5	8.38	Đạt
86	20402023	B086	H Đa Len	Êban	08/08/2002	Nữ	5.0	6.5	7.5	7.5	26.5	6.63	Đạt
87	21902012	B087	H' Thiệp	Êban	22/07/2003	Nữ							Vắng
88	16307307	B088	H' Yang	Êban	10/10/1996	Nữ	8.0	8.0	9.0	6.5	31.5	7.88	Đạt
89	17605003	B089	Y Priu	Êban	08/09/1998	Nam	5.0	7.5	9.0	1.5	23.0	5.75	Đạt
90	21903021	B090	H' Oel	Êñuôl	28/08/2003	Nữ	7.5	8.0	9.0	6.0	30.5	7.63	Đạt
91	24305037	B091	Bùi Thị Thanh	Giang	29/11/2006	Nữ	4.0	7.5	9.0	6.0	26.5	6.63	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
92	21403196	B092	Lê Thị Thuỳ	Giang	13/02/2003	Nữ	8.0	7.5	9.0	6.5	31.0	7.75	Đạt
93	19307050	B093	Phạm Thị Huyền	Giang	18/11/2001	Nữ	9.0	7.5	7.5	8.0	32.0	8.00	Đạt
94	22601013	B094	Trần Phan Hương	Giang	20/09/2004	Nữ	4.0	7.5	8.0	7.0	26.5	6.63	Đạt
95	21101019	B095	Ngô Thị Hồng	Hà	02/03/2003	Nữ	6.0	5.5	9.0	8.5	29.0	7.25	Đạt
96	21605016	B096	Phạm Hải	Hà	02/01/2002	Nam							Vắng
97	22601043	B097	Triệu Thị	Hà	20/04/2003	Nữ	8.0	7.5	7.5	8.0	31.0	7.75	Đạt
98	22103020	B098	Trần Trúc	Hải	11/06/2004	Nữ	7.0	7.5	7.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
99	21903025	B099	H'	Hải	06/04/2002	Nữ	3.0	8.5	7.0	5.5	24.0	6.00	Đạt
100	17304009	B100	Nguyễn Văn	Hải	10/02/1999	Nam							Vắng
101	22412018	B101	Ngô Gia	Hân	23/02/2004	Nữ	7.0	8.5	7.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
102	21403031	B102	Nguyễn Thị Diệp	Hân	02/06/2003	Nữ	4.0	8.0	8.0	3.0	23.0	5.75	Đạt
103	24305048	B103	Võ Huỳnh Gia	Hân	28/07/2006	Nữ	5.5	7.0	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
104	22403033	B104	Đào Thị Kim	Hằng	05/09/2004	Nữ	6.0	8.0	7.5	7.5	29.0	7.25	Đạt
105	22101011	B105	Đậu Thị Thanh	Hằng	05/06/2004	Nữ	6.0	8.0	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
106	22901011	B106	Lương Thị Thu	Hằng	11/04/2004	Nữ	8.0	8.0	7.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
107	21605046	B107	Nguyễn Đức	Hạnh	04/08/2002	Nam	5.0	8.5	9.5	3.5	26.5	6.63	Đạt
108	22901064	B108	Y	Hạnh	19/04/2004	Nữ	6.0	8.0	3.0	6.0	23.0	5.75	Đạt
109	21305309	B109	Phạm Thị	Hào	22/02/2003	Nữ	8.0	8.5	7.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
110	20410235	B110	Nguyễn	Hậu	12/11/1999	Nam	7.5	8.0	9.0	6.0	30.5	7.63	Đạt
111	21403202	B111	Phan Dương	Hậu	14/06/2003	Nam	6.0	8.0	5.0	5.5	24.5	6.13	Đạt
112	22412020	B112	Nguyễn Thảo	Hiền	25/09/2004	Nữ	5.0	8.5	9.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
113	21903028	B113	Thái Thị	Hiền	15/11/2003	Nữ	6.0	8.0	8.5	3.0	25.5	6.38	Đạt
114	21403204	B114	Vũ Nguyễn Thúy	Hiền	14/12/2003	Nữ	7.0	8.0	7.5	6.0	28.5	7.13	Đạt
115	21101025	B115	Đinh Thị	Hiếu	19/07/2002	Nữ	8.0	8.0	9.5	8.0	33.5	8.38	Đạt
116	21305034	B116	Ngôn Minh	Hiếu	06/11/2003	Nam	6.0	8.0	3.0	7.5	24.5	6.13	Đạt
117	20410236	B117	Nguyễn Minh	Hiếu	10/10/2000	Nam	5.5	8.0	9.5	6.0	29.0	7.25	Đạt
118	22302027	B118	Vũ Minh	Hiếu	16/03/2004	Nam	5.0	8.5	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
119	22601016	B119	Hoàng Trịnh Yến	Hoa	30/08/2004	Nữ	7.5	8.5	8.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
120	23103022	B120	Lê Xuân	Hoàng	06/09/2004	Nam	7.0	8.0	9.5	6.0	30.5	7.63	Đạt
121	21410172	B121	Nguyễn Nhật	Hoàng	12/08/2003	Nam	7.5	8.0	9.0	7.0	31.5	7.88	Đạt
122	17101017	B122	Phạm Huy	Hoàng	25/09/1999	Nam							Vắng
123	21901086	B123	Rmah	H'phôn	27/09/2003	Nữ	7.0	6.5	5.0	6.0	24.5	6.13	Đạt
124	21903031	B124	Rchâm -	H'suron	30/03/2003	Nữ	4.0	8.0	8.5	3.5	24.0	6.00	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
125	21309074	B125	Rahlan	H'tan	29/06/2003	Nữ	5.5	8.0	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
126	21412146	B126		H'thìn	07/01/2003	Nữ	6.0	8.0	6.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
127	22406017	B127	Nguyễn Thị	Huệ	07/07/2004	Nữ	9.0	7.0	8.0	9.5	33.5	8.38	Đạt
128	22103027	B128	Sào Văn	Hùng	19/04/2004	Nam	4.0	8.5	9.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
129	17605008	B129	Phạm	Hưng	07/06/1999	Nam	8.0	8.5	9.0	3.5	29.0	7.25	Đạt
130	22402043	B130	Đỗ Đặng Thị Thu	Hương	26/03/2004	Nữ	4.0	8.0	10.0	6.0	28.0	7.00	Đạt
131	20303029	B131	Lương Thanh	Hương	07/03/2002	Nam	6.0	8.5	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt
132	22901017	B132	Nguyễn Thị Mỹ	Hường	02/01/2004	Nữ	8.0	8.5	10.0	7.5	34.0	8.50	Đạt
133	22105005	B133	Hoàng Gia	Huy	06/03/2004	Nam	7.0	5.5	5.0	8.0	25.5	6.38	Đạt
134	19307081	B134	Lý Minh	Huy	09/10/2001	Nam	8.5	8.5	7.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
135	21402060	B135	Nguyễn Quang	Huy	16/01/2002	Nam	3.5	8.0	9.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
136	22103024	B136	Nguyễn Quang	Huy	03/03/2003	Nam	6.0	8.0	9.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
137	19307082	B137	Nguyễn Quốc	Huy	22/04/2001	Nam	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
138	20307253	B138	Tạ Quang	Huy	10/05/2000	Nam							Vắng
139	21402235	B139	Trịnh Đức	Huy	12/05/2003	Nam							Vắng
140	22401005	B140	Mai Thị Thanh	Huyền	12/01/2004	Nữ	3.5	8.0	9.0	0.0	20.5	5.13	Không đạt
141	12604010	B141	Phạm Thị	Huyền	06/12/1992	Nữ	5.0	7.5	1.5	0.0	14.0	3.50	Không đạt
142	20104008	B142	Trần Khánh	Huyền	03/01/2002	Nữ	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
143	22402044	B143	Y - Khang	Hwing	25/01/2004	Nam	8.0	8.0	7.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
144	21903035	B144	H' Salina	Kbuôr	02/04/2003	Nữ	6.0	8.0	8.5	5.0	27.5	6.88	Đạt
145	22302014	B145	Nguyễn Long Ân	Kbuôr	26/01/2004	Nam	6.5	8.0	9.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
146	19305186	B146	Ksor -	Khang	22/08/2000	Nam	7.0	8.0	8.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
147	21101102	B147	Cao Quốc	Khánh	02/09/2003	Nam	8.5	7.5	8.5	6.5	31.0	7.75	Đạt
148	21406041	B148	Đặng Ngọc Quốc	Khánh	02/09/2003	Nam	6.0	8.5	8.0	7.5	30.0	7.50	Đạt
149	24307098	B149	Trần Văn	Khánh	22/04/2006	Nam	8.5	7.5	6.5	7.0	29.5	7.38	Đạt
150	18101005	B150	Phan Thái Đăng	Khoa	08/11/2000	Nam	8.5	8.0	5.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
151	22403048	B151	Phùng Thị Thu	Khuyên	08/10/2004	Nữ	6.5	8.0	7.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
152	20311079	B152	Võ Thị Diễm	Kiều	04/05/2001	Nữ	6.0	8.0	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
153	20903041	B153	Rah Lan H'	Kih	24/08/2001	Nữ	5.5	8.0	9.0	2.5	25.0	6.25	Đạt
154	21903038	B154	H' Doanh	Kriêng	15/11/2003	Nữ							Vắng
155	21601124	B155	H Dáng	Ksor	23/08/2002	Nữ	4.5	8.0	8.5	5.5	26.5	6.63	Đạt
156	22410028	B156	H Hoa	Ktla	07/05/2004	Nữ	7.5	4.0	7.0	7.0	25.5	6.38	Đạt
157	21608008	B157	H Nuôr	Ktul	07/04/2003	Nữ							Vắng

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
158	21309053	B158	Rmah Lai	16/02/2001	Nam	5.0	8.0	6.5	5.5	25.0	6.25	Đạt
159	21406046	B159	Lâm Thị Ngọc Lan	08/12/2000	Nữ	5.5	8.5	9.5	8.0	31.5	7.88	Đạt
160	21305061	B160	Lê Thị Thúy Lan	28/02/2003	Nữ	8.0	8.5	8.0	7.0	31.5	7.88	Đạt
161	22402047	B161	Mông Thị Lệ	01/03/2004	Nữ	8.0	8.5	7.0	7.5	31.0	7.75	Đạt
162	23901026	B162	Nguyễn Thị Nhật Lệ	10/10/2005	Nữ	8.0	5.0	7.0	7.5	27.5	6.88	Đạt
163	22402048	B163	Nguyễn Thị Thùy Lệ	28/07/2001	Nữ	7.5	6.5	5.0	8.0	27.0	6.75	Đạt
164	22901022	B164	Ksor H' Lên	30/09/2004	Nữ	7.5	5.5	8.5	7.0	28.5	7.13	Đạt
165	22403053	B165	H' Kiều Liêng	24/09/2003	Nữ	6.0	7.5	7.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
166	22601024	B166	H Mi Liêng	29/09/2004	Nữ	8.0	4.0	5.5	7.5	25.0	6.25	Đạt
167	21403056	B167	Bùi Thị Linh	01/12/2003	Nữ	6.5	5.0	5.0	5.0	21.5	5.38	Đạt
168	22410032	B168	Dương Thị Mỹ Linh	01/02/2004	Nữ	5.0	8.0	3.0	7.5	23.5	5.88	Đạt
169	22402053	B169	Hoàng Thị Mai Linh	11/01/2003	Nữ	8.0	7.5	6.5	8.5	30.5	7.63	Đạt
170	22410033	B170	Lê Thị Thùy Linh	13/11/2004	Nữ	4.0	8.0	4.5	6.5	23.0	5.75	Đạt
171	21410051	B171	Nghiêm Đăng Việt Linh	19/09/2003	Nam	5.5	8.5	5.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
172	21402077	B172	Nguyễn Thị Diệu Linh	05/08/2003	Nữ	8.0	6.5	7.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
173	20311085	B173	Nguyễn Thị Hồng Linh	22/04/2002	Nữ	8.0	8.5	6.5	8.0	31.0	7.75	Đạt
174	21601061	B174	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/04/2003	Nữ	6.0	8.0	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
175	21305071	B175	Phan Thị Linh	25/09/2002	Nữ	7.0	8.0	9.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
176	22406025	B176	Trần Thị Mỹ Linh	09/07/2004	Nữ	7.5	8.0	8.5	7.0	31.0	7.75	Đạt
177	22410036	B177	Võ Thị Kiều Linh	26/11/2004	Nữ	6.5	8.0	9.0	5.0	28.5	7.13	Đạt
178	20402055	B178	Phan Thị Bích Loan	16/01/2002	Nữ	2.0	8.0	5.0	7.5	22.5	5.63	Đạt
179	22406027	B179	Đào Xuân Lộc	03/07/2003	Nam	2.5	8.0	9.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
180	16103040	B180	Nguyễn Tiến Lộc	21/11/1998	Nam	7.0	4.0	4.5	3.5	19.0	4.75	Không đạt
181	20311087	B181	Đinh Thị Mỹ Lợi	21/11/2002	Nữ	8.5	8.0	3.5	7.5	27.5	6.88	Đạt
182	20605031	B182	Điêu Luân	06/06/2001	Nam	5.0	8.0	9.0	3.0	25.0	6.25	Đạt
183	21821014	B183	Nguyễn Thành Lực	28/11/1992	Nam	9.0	8.0	9.0	8.5	34.5	8.63	Đạt
184	23103045	B184	Trần Xuân Lương	02/04/2001	Nam							Vắng
185	21403065	B185	Đặng Trúc Ly	03/11/2003	Nữ	8.0	7.0	6.5	8.0	29.5	7.38	Đạt
186	21402084	B186	Đỗ Phạm Diệu Ly	26/07/2003	Nữ	8.0	9.0	3.0	5.0	25.0	6.25	Đạt
187	22406028	B187	Đoàn Thị Cẩm Ly	06/11/2004	Nữ	7.5	8.0	8.5	7.5	31.5	7.88	Đạt
188	21403217	B188	Lê Thị Hải Ly	13/01/2003	Nữ	6.0	8.0	8.0	5.0	27.0	6.75	Đạt
189	22402063	B189	Y Vy Ly	01/08/2004	Nữ	7.0	9.0	3.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
190	21903053	B190	H' Thu Mai	22/02/2003	Nữ	4.5	9.0	9.0	5.0	27.5	6.88	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
191	20901106	B191	Ksor H'	Mai	02/08/2002	Nữ	6.0	7.0	3.0	5.0	21.0	5.25	Đạt
192	22410121	B192	Bùi Đức	Mạnh	10/05/2004	Nam	3.0	5.5	2.5	6.0	17.0	4.25	Không đạt
193	21305086	B193	Hoàng Đức	Mạnh	10/02/2003	Nam	5.0	9.0	9.0	5.0	28.0	7.00	Đạt
194	21903055	B194	Siu	Mari	11/03/2002	Nữ	1.5	9.0	3.0	7.0	20.5	5.13	Đạt
195	20303013	B195	Lê Mo	Mi	09/11/1999	Nam	6.0	7.0	8.5	5.5	27.0	6.75	Đạt
196	16304036	B196	Nguyễn Công	Minh	12/04/1998	Nam	7.0	9.0	9.0	2.0	27.0	6.75	Đạt
197	21413082	B197	Nguyễn Xuân	Minh	02/10/2002	Nam	2.5	9.0	2.5	4.5	18.5	4.63	Không đạt
198	22601027	B198	H Ban	Minh	20/12/2004	Nữ	6.0	9.0	7.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
199	22901029	B199	H Kim	Minh	10/10/2004	Nữ	7.0	7.0	5.0	7.5	26.5	6.63	Đạt
200	21903057	B200	H' Ngân	Minh	29/04/2003	Nữ	3.0	8.0	2.0	6.0	19.0	4.75	Không đạt
201	20605006	B201	H Thu	Minh	21/04/2002	Nữ	2.5	8.5	3.0	4.0	18.0	4.50	Không đạt
202	21309087	B202	H' Uy	Minh	01/03/2002	Nữ	4.0	7.5	2.0	5.5	19.0	4.75	Không đạt
203	20901113	B203	H Wui	Minh	07/07/2002	Nữ	4.0	5.0	5.0	6.0	20.0	5.00	Đạt
204	21305093	B204	Lê Thị Diễm	My	03/12/2003	Nữ	5.5	7.5	5.0	6.0	24.0	6.00	Đạt
205	21101108	B205	Nguyễn Thị Trà	My	01/11/2003	Nữ	2.0	8.5	6.5	7.0	24.0	6.00	Đạt
206	22410122	B206	Phan Thị Huyền	Mỹ	04/12/2004	Nữ	3.0	8.5	3.0	8.0	22.5	5.63	Đạt
207	22406029	B207	Nguyễn Hoàng	Nam	26/09/2004	Nam	9.0	8.5	5.0	7.0	29.5	7.38	Đạt
208	21601070	B208	Trần Ayün Y	Nam	23/09/2003	Nam	3.5	6.0	2.0	3.0	14.5	3.63	Không đạt
209	19307157	B209	Bùi Thị Thanh	Nga	06/03/1994	Nữ	7.0	4.5	7.0	6.5	25.0	6.25	Đạt
210	22402069	B210	Lê Thị	Nga	26/10/2004	Nữ	4.0	6.5	2.0	5.5	18.0	4.50	Không đạt
211	21601128	B211	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	11/11/2003	Nữ	7.0	7.0	5.0	6.0	25.0	6.25	Đạt
212	21406069	B212	Nguyễn Thị Thanh	Nga	03/05/2002	Nữ	3.0	6.0	4.5	4.5	18.0	4.50	Không đạt
213	22402070	B213	Trần Thị Thúy	Nga	28/02/2004	Nữ	3.0	7.0	2.5	7.0	19.5	4.88	Không đạt
214	22403068	B214	Nguyễn Thị Thu	Ngân	27/01/2004	Nữ	7.0	6.5	4.5	7.0	25.0	6.25	Đạt
215	22309022	B215	Vùi Thị Thu	Ngân	03/07/2004	Nữ	7.0	6.5	5.5	6.5	25.5	6.38	Đạt
216	22103041	B216	Cao Huy	Ngô	04/01/2004	Nam	2.0	4.5	3.5	5.0	15.0	3.75	Không đạt
217	22901031	B217	Thị	Ngoanh	23/03/2004	Nữ	3.0	7.0	6.5	5.5	22.0	5.50	Đạt
218	21403229	B218	Đặng Hồng	Ngọc	02/08/2003	Nữ	8.0	8.0	8.0	8.0	32.0	8.00	Đạt
219	22410043	B219	Hoàng Thị	Ngọc	25/04/2004	Nữ	6.5	8.5	4.0	7.5	26.5	6.63	Đạt
220	21309063	B220	Lê Nữ Bích	Ngọc	20/09/2003	Nữ	4.5	8.0	4.0	6.5	23.0	5.75	Đạt
221	21311020	B221	Lê Thị Hồng	Ngọc	13/02/2003	Nữ	3.5	4.5	5.0	5.0	18.0	4.50	Không đạt
222	21901036	B222	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	Nữ	6.0	4.5	1.0	5.0	16.5	4.13	Không đạt
223	21101111	B223	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/10/2003	Nữ	6.0	7.5	9.0	8.5	31.0	7.75	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
224	22410045	B224	Phạm Thị Minh	Ngọc	28/08/2004	Nữ	4.5	8.0	9.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
225	22410126	B225	Hà Thị Thu	Nguyễn	15/03/2004	Nữ	4.5	8.0	9.5	5.0	27.0	6.75	Đạt
226	21305102	B226	Huỳnh Trần Tổ	Nguyễn	29/09/2003	Nữ	3.5	9.0	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
227	21403090	B227	Nguyễn Đức	Nguyễn	21/02/2003	Nam	7.5	8.0	7.5	5.5	28.5	7.13	Đạt
228	21101045	B228	Nguyễn Hoàng Trọng	Nguyễn	19/05/2003	Nam	3.5	8.0	9.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
229	20410198	B229	Nguyễn Võ Khánh	Nguyễn	08/06/2002	Nữ	5.0	6.5	3.5	7.0	22.0	5.50	Đạt
230	21305104	B230	Phạm Như Cao	Nguyễn	21/10/2003	Nam	0.0	9.0	8.0	4.0	21.0	5.25	Không đạt
231	20313014	B231	Phan Huỳnh	Nguyễn	01/04/1998	Nam	5.0	8.5	9.0	3.0	25.5	6.38	Đạt
232	21406175	B232	Trần Ngọc	Nguyễn	23/10/2003	Nam	7.0	8.5	3.5	7.0	26.0	6.50	Đạt
233	21410071	B233	Võ Văn	Nguyễn	03/10/2003	Nam	6.5	8.5	6.0	5.0	26.0	6.50	Đạt
234	22605011	B234	Lê Thị Minh	Nguyệt	27/04/2004	Nữ	5.0	8.5	9.0	3.5	26.0	6.50	Đạt
235	20406230	B235	Ma Thị Ánh	Nguyệt	26/03/2002	Nữ	6.0	8.5	7.0	6.5	28.0	7.00	Đạt
236	21403097	B236	Nguyễn Thị Thu	Nhân	28/05/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
237	23901039	B237	Trần Thị	Nhân	06/02/2005	Nữ	5.0	8.5	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
238	17313038	B238	Nguyễn Trọng	Nhân	16/09/1998	Nam	4.0	8.5	6.5	5.5	24.5	6.13	Đạt
239	22105008	B239	Hoàng Đình Long	Nhật	05/01/2004	Nam	4.5	8.5	9.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
240	19307180	B240	Nguyễn Thị Minh	Nhật	30/09/2001	Nữ	8.5	8.5	8.5	9.0	34.5	8.63	Đạt
241	20304013	B241	Nguyễn Văn	Nhật	10/10/2002	Nam	6.0	8.0	3.5	5.0	22.5	5.63	Đạt
242	22309024	B242	Đạo Thị Thy	Nhi	19/02/2004	Nữ	2.0	8.5	4.0	7.0	21.5	5.38	Đạt
243	21402122	B243	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	07/06/2003	Nữ	8.5	8.5	9.5	7.5	34.0	8.50	Đạt
244	21601074	B244	Mai Thị Yến	Nhi	15/05/2003	Nữ	6.5	8.5	8.5	6.5	30.0	7.50	Đạt
245	21601075	B245	Nguyễn Phan Tuyết	Nhi	30/04/2003	Nữ	5.0	8.5	7.5	3.0	24.0	6.00	Đạt
246	22403073	B246	Phạm Thị Ngọc	Nhi	14/07/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
247	22406032	B247	Phạm Thị Yến	Nhi	21/03/2004	Nữ	8.5	8.0	6.0	8.0	30.5	7.63	Đạt
248	20411028	B248	Phan Hoàng Yến	Nhi	27/11/2002	Nữ							Vắng
249	23105023	B249	Trần Thị Yến	Nhi	02/02/2005	Nữ	7.0	8.5	7.5	6.5	29.5	7.38	Đạt
250	21402265	B250	Võ Hoàng Tuyết	Nhi	08/08/2003	Nữ	5.0	8.5	8.5	7.0	29.0	7.25	Đạt
251	21403108	B251	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	20/05/2003	Nữ	5.5	8.5	9.5	6.0	29.5	7.38	Đạt
252	21403109	B252	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	31/03/2003	Nữ	3.5	8.5	7.0	4.0	23.0	5.75	Đạt
253	22403078	B253	Trần Đỗ Quỳnh	Như	02/10/2004	Nữ	8.5	6.0	5.5	8.0	28.0	7.00	Đạt
254	22101028	B254	Võ Lê Băng	Như	18/08/2004	Nữ	5.0	8.5	7.0	6.0	26.5	6.63	Đạt
255	21403104	B255	Lê Thị Ngọc	Nhung	11/10/2003	Nữ	4.5	8.5	9.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
256	22403075	B256	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/08/2004	Nữ	5.0	8.0	7.0	6.0	26.0	6.50	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
257	22402085	B257	Phạm Hồng Nhung	22/10/2004	Nữ	4.0	8.5	8.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
258	22901035	B258	Phạm Hồng Nhung	15/02/2004	Nữ	8.5	7.0	7.0	8.5	31.0	7.75	Đạt
259	22901037	B259	Võ Thị Cẩm Nhung	14/06/2004	Nữ	8.0	8.5	7.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
260	22903053	B260	H Dala Niê	16/09/2004	Nữ	5.5	8.0	9.0	4.0	26.5	6.63	Đạt
261	18605011	B261	H Jin Niê	20/01/1999	Nữ	3.5	8.5	7.5	6.0	25.5	6.38	Đạt
262	21608014	B262	H Kula Niê	25/01/2003	Nữ	4.0	8.5	7.0	4.0	23.5	5.88	Đạt
263	22410054	B263	H Ngọc Niê	04/12/2004	Nữ	4.0	8.5	5.5	6.0	24.0	6.00	Đạt
264	21412048	B264	Y - Toang Niê	03/01/2002	Nam	6.5	8.5	9.0	5.5	29.5	7.38	Đạt
265	22410128	B265	Y Thuôn Niê	06/05/2004	Nam	9.0	5.0	3.5	5.0	22.5	5.63	Đạt
266	22402090	B266	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	14/10/2004	Nữ	7.5	8.5	4.5	8.5	29.0	7.25	Đạt
267	21302053	B267	Phạm Hòa Phát	09/11/2001	Nam	6.5	5.5	3.0	6.0	21.0	5.25	Đạt
268	21313032	B268	Châu Văn Phúc	16/05/2001	Nam	9.0	6.0	7.0	7.0	29.0	7.25	Đạt
269	21103176	B269	Lê Hồng Phúc	29/07/2003	Nam	6.0	8.5	3.0	6.0	23.5	5.88	Đạt
270	22103051	B270	Ngô Thiên Phúc	02/01/2004	Nam	8.0	8.5	5.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
271	18303024	B271	Trần Văn Phúc	08/07/1999	Nam							Vắng
272	22410059	B272	Đặng Thị Hà Phương	16/06/2004	Nữ	6.5	8.0	5.0	7.5	27.0	6.75	Đạt
273	21403118	B273	Khúc Thị Phượng	25/05/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	3.0	24.5	6.13	Đạt
274	22902021	B274	Thị - Phượng	10/08/2004	Nữ	5.0	8.5	5.5	6.5	25.5	6.38	Đạt
275	21903066	B275	Toàn Thị Bích Phượng	18/02/2003	Nữ	3.0	8.5	7.0	3.0	21.5	5.38	Đạt
276	22901043	B276	Siu H' Pon	28/07/2003	Nữ	6.5	5.5	4.5	7.0	23.5	5.88	Đạt
277	19307329	B277	Quang Đại Pôn	06/09/2000	Nam	7.0	8.5	5.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
278	21305123	B278	Nguyễn Hải Quân	25/11/2003	Nam	6.5	9.0	9.0	5.0	29.5	7.38	Đạt
279	21410086	B279	Nguyễn Minh Quân	09/09/2003	Nam	9.0	7.5	5.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
280	17103075	B280	Phạm Văn Quang	11/03/1999	Nam							Vắng
281	20412084	B281	Nguyễn Ngọc Nguyệt Quế	02/09/2002	Nữ	7.0	6.0	8.0	7.0	28.0	7.00	Đạt
282	19307203	B282	Cầm Anh Quốc	26/07/2001	Nam	6.0	8.5	7.5	3.5	25.5	6.38	Đạt
283	21413102	B283	Văn Phan Nguyễn Quốc	30/05/2003	Nam	9.0	9.0	9.0	5.0	32.0	8.00	Đạt
284	21101054	B284	Dương Nhật Thục Quyên	14/01/2003	Nữ	7.0	9.0	8.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
285	21104055	B285	Nguyễn Hải Quyên	08/06/2003	Nữ	6.0	9.0	9.5	7.0	31.5	7.88	Đạt
286	22601049	B286	Nguyễn Trần Thúy Quyên	05/12/2004	Nữ	6.5	7.5	5.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
287	20305084	B287	Trần Ngọc Thu Quyên	08/04/2002	Nữ	6.5	9.0	8.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
288	21402138	B288	Vương Thị Thùy Quyên	30/08/2003	Nữ	6.0	9.0	9.0	6.0	30.0	7.50	Đạt
289	22406036	B289	Lê Hữu Quyên	12/01/2004	Nam	5.5	9.0	9.0	7.0	30.5	7.63	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
						Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
290	21101118	B290	Trần Văn Quyết	27/10/2003	Nam	7.5	9.0	9.5	7.0	33.0	8.25	Đạt
291	21411039	B291	Bùi Thị Diễm Quỳnh	16/10/2003	Nữ	6.0	8.5	5.5	8.0	28.0	7.00	Đạt
292	22601033	B292	Mai Nguyễn Trúc Quỳnh	11/09/2004	Nữ	7.0	8.5	8.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
293	19307213	B293	Vương Như Quỳnh	09/10/2001	Nữ	8.5	9.0	9.0	6.0	32.5	8.13	Đạt
294	21104057	B294	Huỳnh Ngọc Sang	16/04/2003	Nam	5.0	9.0	5.0	3.0	22.0	5.50	Đạt
295	22410064	B295	K' Zu Sang	02/09/2003	Nam	4.0	9.0	9.0	1.0	23.0	5.75	Đạt
296	21412056	B296	Nguyễn Huỳnh Hữu Sơn	07/09/2003	Nam	6.5	9.0	9.5	5.0	30.0	7.50	Đạt
297	21402142	B297	Trần Khánh Sơn	20/10/2002	Nam	5.0	9.0	8.5	5.5	28.0	7.00	Đạt
298	21601012	B298	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	12/01/2003	Nữ	7.5	8.5	9.0	7.0	32.0	8.00	Đạt
299	22410065	B299	Ngô Gia Tài	23/02/2004	Nam	8.5	9.0	9.5	7.5	34.5	8.63	Đạt
300	21410094	B300	Nguyễn Cửu Tài	20/08/2003	Nam	7.0	9.0	8.5	5.5	30.0	7.50	Đạt
301	21302032	B301	Nguyễn Đức Tài	14/04/2003	Nam	6.0	8.5	9.0	6.5	30.0	7.50	Đạt
302	21403258	B302	Nguyễn Thị Như Tâm	15/05/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	7.0	28.5	7.13	Đạt
303	21410096	B303	Phạm Thành Tâm	24/03/2003	Nam	6.5	8.5	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
304	21402280	B304	Trần Thị Thành Tâm	10/11/2003	Nữ	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
305	20311124	B305	Trần Tô Ngọc Thạch	01/05/2002	Nữ	5.0	8.0	9.0	6.5	28.5	7.13	Đạt
306	21903072	B306	Thị Thắm	11/06/2003	Nữ	4.0	8.5	9.0	6.0	27.5	6.88	Đạt
307	21101121	B307	Nguyễn Hữu Thắng	01/07/2003	Nam	8.0	8.0	8.5	6.5	31.0	7.75	Đạt
308	19307230	B308	Phạm Tiến Thắng	06/08/1990	Nam	7.0	8.0	9.5	7.5	32.0	8.00	Đạt
309	22902022	B309	Vũ Văn Thắng	22/07/2004	Nam	5.0	8.5	9.0	5.5	28.0	7.00	Đạt
310	22102009	B310	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	31/07/2004	Nữ	7.0	8.0	9.0	7.5	31.5	7.88	Đạt
311	19307221	B311	Vũ Xuân Thanh	23/07/2001	Nam	4.0	8.5	9.0	5.0	26.5	6.63	Đạt
312	22406037	B312	Nguyễn Tấn Thành	08/08/2004	Nam	7.0	8.0	9.0	7.0	31.0	7.75	Đạt
313	21605053	B313	Lê Phương Thảo	30/11/2003	Nữ	6.0	8.0	5.5	3.5	23.0	5.75	Đạt
314	21601091	B314	Mai Thị Hồng Thảo	21/10/2003	Nữ	3.5	8.5	7.5	7.0	26.5	6.63	Đạt
315	20402108	B315	Nông Thu Thảo	23/11/2002	Nữ	5.0	8.5	9.5	3.5	26.5	6.63	Đạt
316	19402178	B316	Kơ Ja Ha Thiên	13/09/2000	Nam	5.0	8.5	9.0	6.0	28.5	7.13	Đạt
317	20605039	B317	Nguyễn Việt Thông	19/02/2001	Nam	6.0	8.5	9.5	6.5	30.5	7.63	Đạt
318	21402164	B318	Bùi Nguyễn Anh Thư	07/10/2003	Nữ	2.0	8.5	9.5	7.0	27.0	6.75	Đạt
319	21101063	B319	Bùi Thị Yến Thư	06/10/2003	Nữ	8.0	8.0	9.5	7.5	33.0	8.25	Đạt
320	22601050	B320	Lương Thị Minh Thư	17/01/2004	Nữ	5.5	8.5	7.0	7.5	28.5	7.13	Đạt
321	20303034	B321	Phạm Văn Thuận	10/08/2002	Nam	6.0	8.0	9.0	6.0	29.0	7.25	Đạt
322	22901051	B322	Hà Lê Hoài Thương	03/06/2004	Nữ	6.0	8.5	6.0	7.5	28.0	7.00	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
323	21403145	B323	Lê Thị Thương	Thương	20/06/2003	Nữ	5.0	8.5	8.0	7.5	29.0	7.25	Đạt
324	22309036	B324	Phạm Ánh Nhật	Thương	11/09/2004	Nữ	5.5	8.5	9.0	7.0	30.0	7.50	Đạt
325	22903075	B325	Thái Thị	Thương	02/08/2004	Nữ	6.0	8.0	9.5	7.0	30.5	7.63	Đạt
326	21402292	B326	Trần Thị Kim	Thương	15/11/2003	Nữ	1.0	8.5	3.5	6.0	19.0	4.75	Không đạt
327	22402113	B327	Võ Thị Hoài	Thương	25/05/2004	Nữ	4.0	8.5	9.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
328	22903076	B328	Vũ Thị Ánh	Thương	18/11/2004	Nữ	5.0	9.0	9.0	5.5	28.5	7.13	Đạt
329	22406045	B329	Bùi Thị Thanh	Thúy	13/11/2004	Nữ	6.5	8.5	9.5	8.5	33.0	8.25	Đạt
330	19307333	B330	Lương Thị Thanh	Thủy	12/12/2000	Nữ	6.0	7.5	8.0	3.5	25.0	6.25	Đạt
331	21607027	B331	Trần Hoàng Anh	Thy	21/08/2003	Nữ	5.0	8.5	6.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
332	22104012	B332	Hoàng Nguyễn Ngọc	Tiên	18/08/2004	Nữ							Vắng
333	22410075	B333	Nguyễn Thị Ngọc	Tiên	28/12/2004	Nữ	8.0	7.5	6.5	6.0	28.0	7.00	Đạt
334	22406049	B334	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	24/01/2004	Nữ	7.0	9.0	7.0	6.5	29.5	7.38	Đạt
335	20304018	B335	Đỗ Văn	Tiến	20/12/2001	Nam	5.5	9.0	6.5	0.0	21.0	5.25	Không đạt
336	20103054	B336	Tăng Quốc	Tiến	18/12/2002	Nam	2.0	9.0	2.5	2.5	16.0	4.00	Không đạt
337	21402295	B337	Đoàn Xuân	Tinh	20/09/2003	Nam	8.0	8.5	5.5	8.0	30.0	7.50	Đạt
338	22605020	B338	Nguyễn Thị	Tinh	20/08/2004	Nữ	5.0	8.5	3.0	5.5	22.0	5.50	Đạt
339	20902048	B339	Rơ Mah	Tôm	24/06/2001	Nữ	6.0	8.0	5.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
340	21403155	B340	Nguyễn Thị Thanh	Trà	07/01/2003	Nữ	5.5	8.5	3.5	6.0	23.5	5.88	Đạt
341	20305240	B341	Cao Thị Quế	Trâm	21/05/2002	Nữ	2.0	7.0	3.0	5.5	17.5	4.38	Không đạt
342	21102027	B342	Hồ Hà Ngọc	Trâm	01/01/2003	Nữ	7.0	8.5	3.0	6.5	25.0	6.25	Đạt
343	22601038	B343	Lành Thị Bảo	Trâm	17/09/2004	Nữ	7.5	8.5	2.5	7.0	25.5	6.38	Đạt
344	21402297	B344	Nguyễn Thị Anh	Trâm	04/01/2003	Nữ	7.5	7.0	6.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
345	22403114	B345	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	15/05/2004	Nữ	9.0	8.5	7.0	5.5	30.0	7.50	Đạt
346	21402172	B346	Đỗ Kiều	Trang	10/07/2003	Nữ	2.5	8.5	3.0	1.5	15.5	3.88	Không đạt
347	20305177	B347	Lê Thị Huyền	Trang	22/08/2002	Nữ	6.0	9.0	3.5	1.0	19.5	4.88	Không đạt
348	22103074	B348	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	01/10/2004	Nữ	6.5	8.5	5.5	8.0	28.5	7.13	Đạt
349	21305171	B349	Phạm Thị Thu	Trang	08/02/2003	Nữ	6.5	8.5	4.0	7.0	26.0	6.50	Đạt
350	23102020	B350	Trần Thị Thùy	Trang	03/05/1995	Nữ							Vắng
351	19307259	B351	Võ Thùy	Trang	20/07/2001	Nữ	5.5	7.5	5.5	5.0	23.5	5.88	Đạt
352	20304020	B352	Nguyễn Văn	Trí	28/05/2002	Nam	4.0	9.0	9.0	3.5	25.5	6.38	Đạt
353	17101037	B353	Phù Chí	Trí	12/09/1990	Nam	7.0	8.5	4.0	5.5	25.0	6.25	Đạt
354	21305175	B354	Lê Thị	Triều	20/07/2003	Nữ	4.5	8.5	7.0	5.5	25.5	6.38	Đạt
355	22410081	B355	Hoàng Thị Thục	Trình	29/07/2004	Nữ	6.0	5.0	2.5	4.0	17.5	4.38	Không đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
356	21402181	B356	Lê Nguyễn Như	Trình	04/10/2003	Nữ	8.5	8.5	3.0	6.5	26.5	6.63	Đạt
357	22406054	B357	Phạm Trần Thảo	Trình	15/09/2004	Nữ	8.5	8.5	7.0	8.0	32.0	8.00	Đạt
358	18403129	B358	Nguyễn Thủy	Trúc	11/02/2000	Nữ	7.0	7.5	3.0	4.0	21.5	5.38	Đạt
359	21410118	B359	Phạm Thị Hồng	Trúc	12/01/2003	Nữ	3.5	8.5	7.0	2.0	21.0	5.25	Đạt
360	21605038	B360	Đinh Công	Tuấn	14/07/2003	Nam	6.0	8.5	9.5	2.0	26.0	6.50	Đạt
361	21302047	B361	Hồ Anh	Tuấn	17/01/2003	Nam	6.0	8.5	3.0	4.5	22.0	5.50	Đạt
362	21403162	B362	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	18/05/2002	Nữ	6.5	8.5	3.5	7.5	26.0	6.50	Đạt
363	21402308	B363	Trần Thị Thanh	Tuyền	10/02/2002	Nữ	5.0	5.5	3.5	5.0	19.0	4.75	Không đạt
364	21402192	B364	H'	Tuyết	23/04/2003	Nữ	6.0	5.5	5.0	7.0	23.5	5.88	Đạt
365	21607107	B365	Hồ Thị	Tuyết	18/04/2003	Nữ	2.5	8.5	5.0	2.0	18.0	4.50	Không đạt
366	22901067	B366	Vương Thị Ánh	Tuyết	28/07/2004	Nữ	6.0	8.5	2.5	6.0	23.0	5.75	Đạt
367	20901168	B367	Nay H'	Ước	13/12/2002	Nữ	2.0	8.5	2.5	6.5	19.5	4.88	Không đạt
368	21302025	B368	Đặng Thị Như	Uyên	05/12/2003	Nữ	5.0	8.0	2.5	8.0	23.5	5.88	Đạt
369	21413117	B369	Lê Tổ	Uyên	03/04/2003	Nữ	7.5	8.5	4.5	7.0	27.5	6.88	Đạt
370	19309081	B370	Siu H'	Uyên	28/04/2000	Nữ	3.0	8.5	3.5	5.5	20.5	5.13	Đạt
371	19307273	B371	Voòng Ngọc Thảo	Uyên	10/03/2001	Nữ	6.0	5.5	6.5	5.5	23.5	5.88	Đạt
372	20903124	B372	Nay H'	Vân	02/08/2002	Nữ	7.5	8.5	3.5	4.5	24.0	6.00	Đạt
373	21101131	B373	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	02/08/2002	Nữ	7.5	8.5	4.0	7.0	27.0	6.75	Đạt
374	21309084	B374	Đinh Thị Tường	Vi	28/12/2003	Nữ	7.0	8.5	5.0	5.0	25.5	6.38	Đạt
375	22401012	B375	Lê Khánh	Vi	28/08/2004	Nữ	6.0	6.0	5.0	7.0	24.0	6.00	Đạt
376	21607030	B376	Nguyễn Hoàng	Vi	23/12/2003	Nữ	8.5	8.5	5.5	7.0	29.5	7.38	Đạt
377	22406056	B377	Nguyễn Thảo	Vi	24/12/2004	Nữ	8.5	8.5	6.5	9.5	33.0	8.25	Đạt
378	22901056	B378	Nguyễn Thị Mộng	Vi	16/05/2004	Nữ	7.0	8.5	6.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
379	20307238	B379	Nguyễn Hoàng	Việt	17/01/2002	Nam	7.0	6.5	2.5	6.5	22.5	5.63	Đạt
380	21410225	B380	Huỳnh Quang Nhật	Vĩnh	01/11/2002	Nam	8.5	8.0	9.0	8.5	34.0	8.50	Đạt
381	18307401	B381	Dương Quang Nguyên	Vũ	16/04/1998	Nam	5.5	8.0	5.0	5.0	23.5	5.88	Đạt
382	21402307	B382	Nguyễn Long	Vũ	18/08/2003	Nam	8.5	6.0	5.0	6.0	25.5	6.38	Đạt
383	22410093	B383	Hồ Tường	Vy	04/10/2004	Nữ	7.5	8.0	6.0	8.0	29.5	7.38	Đạt
384	23402133	B384	Lê Phương	Vy	13/12/2005	Nữ	8.0	8.5	5.5	7.5	29.5	7.38	Đạt
385	21101079	B385	Nguyễn Thị Thảo	Vy	13/03/2003	Nữ	8.0	8.5	4.5	6.0	27.0	6.75	Đạt
386	21403169	B386	Trần Triệu	Vy	18/08/2003	Nữ							Vắng
387	21410133	B387	Võ Khả	Vy	08/11/2003	Nữ	7.0	7.5	4.5	5.5	24.5	6.13	Đạt
388	20307305	B388	Đàng Xuân	Win	20/11/2001	Nam	8.0	8.0	4.5	6.5	27.0	6.75	Đạt

STT	Mã SV	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nam/ Nữ	Kết quả kiểm tra						
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm	Điểm TB	Kết quả
389	21311106	B389	Cù K`	Winh	23/06/2002	Nữ	6.5	9.0	3.5	7.5	26.5	6.63	Đạt
390	23406063	B390	Cao Thị	Xuân	10/05/2005	Nữ	7.0	8.5	4.5	6.0	26.0	6.50	Đạt
391	16304071	B391	Rcom -	Xưng	09/07/1995	Nam	8.0	7.5	3.5	6.5	25.5	6.38	Đạt
392	22601041	B392	Vũ Thị Hồng	Xương	30/03/2004	Nữ	4.0	8.5	9.5	6.5	28.5	7.13	Đạt
393	20307249	B393	Nguyễn Thành	Ý	03/11/2002	Nam	8.0	8.0	9.0	8.0	33.0	8.25	Đạt
394	20903128	B394	Nguyễn Hoàng Đình	Yến	11/04/2002	Nữ	8.0	8.5	9.0	7.0	32.5	8.13	Đạt

Tổng số thí sinh theo danh sách: **394**
 Số thí sinh tham gia: **373**
 Số thí sinh vắng: **21**
 Số thí sinh đạt: **338**
 Số thí sinh không đạt: **35**

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 PGS-TS. Nguyễn Văn Nam